

Số: **74** /BC-UBND

Nga Sơn, ngày **12** tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng quý I năm 2018 Phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2018

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của huyện.

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Nhằm nâng cao về nhận thức và tạo sự chuyển biến, tích cực mạnh mẽ trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN). Chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan ngành và các địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tuyên truyền thông qua các hình thức qua hệ thống loa truyền thanh về chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Qua đó, làm chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong huyện về công tác phòng, chống tham nhũng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý Nhà nước về công tác này.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Trong quý I, Thanh tra huyện Nga Sơn đã tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2018 và chỉ đạo các phòng ban, ngành cấp huyện và địa phương xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện.

Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định 78/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng:

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Đẩy mạnh việc công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các địa phương trong huyện về quy trình, thủ tục giải quyết công việc gắn với cải cách thủ tục hành chính; công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất, quản lý và sử dụng nhà ở, quản lý dự án đầu tư xây dựng, huy động và sử dụng các khoản đóng góp

của nhân dân; công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, điều động, chuyển ngạch, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức; công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, công khai tài chính; thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở được các cơ quan, đơn vị và các địa phương trong tỉnh chú trọng nghiêm túc công khai.

b) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

Trong quý I năm 2018, UBND huyện đã quán triệt tốt việc thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức, trong 6 tháng trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp vi phạm.

c) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

UBND huyện chỉ đạo thực hiện các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức; qua công tác kiểm tra đã góp phần không nhỏ cho việc chấn chỉnh tác phong làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Từ đó, ý thức của cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên và đã tác động tốt đến công tác phòng, chống tham nhũng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. UBND huyện Nga Sơn đã ban hành văn bản chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 theo đúng quy định. Đồng thời, giao Thanh tra huyện phối hợp, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

e) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Thực hiện Chi thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; UBND huyện tiếp tục thực hiện việc thanh toán lương và thanh toán khác qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước. Tính đến nay, cán bộ, công chức cấp huyện 100% trả lương qua thẻ ngân hàng và đang tiếp tục chỉ đạo các địa phương.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

Trong quý I năm 2018, không có vụ việc vi phạm về tham nhũng.

4. Việc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Trong quý I, đã tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng tại 05 đơn vị. Qua thanh tra hầu hết các đơn vị đã xây dựng được kế hoạch về PCTN như: Công khai minh bạch đối với các hoạt động của đơn vị, tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập cho những trường hợp thuộc diện phải kê khai.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

Tình hình tham nhũng trong quý I năm 2018, trên địa bàn huyện không phát hiện, hoặc xảy ra tham nhũng của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng quý I năm 2018

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của huyện:

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được sự quan tâm của các cấp, các ngành, UBND huyện đã xây dựng Chương trình kế hoạch để thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/12/2012 của Ban Chấp hành Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính Trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 10/6/2014 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tập trung chủ yếu là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp trên tất cả các lĩnh vực thuộc mình quản lý đối với công tác PCTN, lãng phí và thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như: công khai, minh bạch hoạt động; kê khai tài sản, thu nhập cá nhân; xây dựng quy tắc ứng xử, trả lương qua tài khoản, chuyển đổi vị trí công tác; công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử được chú trọng, đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN ngay tại các địa phương, đơn vị đã thực hiện đúng theo kế hoạch.

b) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những lĩnh vực nhạy cảm, khá phức tạp, đòi hỏi trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và các địa phương luôn thể hiện với tinh thần trách nhiệm cao trong việc kiểm tra, giám sát. Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng ở đơn vị mình quản lý, phụ trách. Trong thời gian qua, có không ít cơ quan, tổ chức, đơn vị ở những lĩnh vực nhạy cảm đã tích cực mạnh dạn đấu tranh với tiêu cực và nói không với tệ tham nhũng, lãng phí; tuy nhiên vẫn còn một ít đơn vị không báo cáo hoặc báo cáo còn chung chung, chưa phản ánh hết tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị mình quản lý, phụ trách. Từ đó, làm cho công tác tổng hợp báo cáo về công tác PCTN của huyện đôi lúc phản ánh chưa kịp thời.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

Trong quý I năm 2018 trên địa bàn huyện không xảy ra tham nhũng, tuy nhiên tham nhũng vẫn còn tiềm ẩn và có thể xảy ra bất cứ lúc nào khi có điều kiện, đặc biệt là ở những lĩnh vực nhạy cảm như: Tín dụng, tài chính, ngân hàng, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đền bù giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai... Thanh tra huyện tiếp tục tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và các địa phương cần quan tâm và có các giải pháp ngăn chặn phòng ngừa, có hiệu quả.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG QUÝ II NĂM 2018

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí và các giải pháp thực hiện chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020. Trong quý II tiếp theo tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện. Phổ biến kịp thời và đầy đủ nội dung pháp luật liên quan đến cuộc sống của các tầng lớp nhân dân, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật, góp phần ngăn chặn và hạn chế vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội;

2. Thanh tra huyện triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch hàng năm; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra hành chính. Gắn thanh tra theo kế hoạch với thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; kết thúc các cuộc thanh tra đã triển khai phải đảm bảo đúng thời hạn quy định của pháp luật, chính xác, khách quan; chú trọng phát hiện hành vi tham nhũng qua thanh tra;

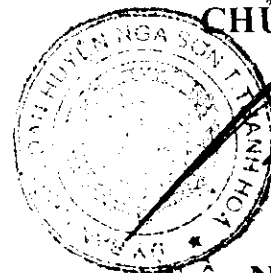
3. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và các địa phương về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi tham nhũng. Đặc biệt là đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, thanh tra trong nội bộ nhằm nâng cao tính tự giác cũng như tinh thần trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong hoạt động PCTN;

4. Xử lý nghiêm minh hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra và giải quyết tố cáo, kiên quyết công khai, minh bạch trách nhiệm từng cơ quan, cá nhân trong bộ máy Nhà nước, nhất là những vị trí nhạy cảm; tăng cường sự giám sát của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng và xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là báo cáo công tác thực hiện pháp luật về Phòng chống tham nhũng quý I năm 2018 của huyện Nga Sơn./.

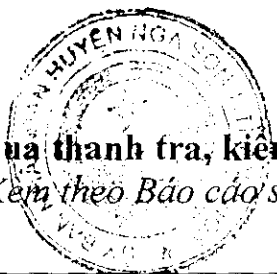
Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện(b/c);
- CT, các PCT UBND;
- Các phòng, ban UBND huyện;
- Lưu: VT, TTr (02 bản).



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Quyết



Phụ lục số 03

Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN năm 2018

(Kèm theo Báo cáo số: **74** /BC-UBND ngày **11** tháng 3 năm 2018
của UBND huyện Nga Sơn)

| TT | Diễn giải | Tổng | Kết quả của cơ quan thanh tra | | |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------|----------|-----------|
| | | | Cấp bộ | Cấp tỉnh | Cấp huyện |
| 1 | Số cuộc thanh tra theo kế hoạch | 01 | | | 01 |
| 2 | Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch | | | | |
| 3 | Số cuộc thanh tra đã triển khai | 01 | | | 01 |
| 4 | Số cuộc kiểm tra đã triển khai | | | | |
| 5 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra | 05 | | | 05 |
| 6 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra | | | | |
| 7 | Số cuộc thanh tra đã có kết luận | 01 | | | 01 |
| | Số cuộc kiểm tra đã có kết luận | | | | |
| 8 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: | 0 | | | 0 |
| | -Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN | | | | |
| | -Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN | 0 | | | 0 |
| | -Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN | 0 | | | 0 |
| 9 | - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau): | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong mua sắm công | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công | 0 | | | 0 |
| | - Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ | 0 | | | 0 |
| | - Trách nhiệm cung cấp thông tin | 0 | | | 0 |
| | - Cải cách thủ tục hành chính | 0 | | | 0 |
| | - Đổi mới công nghệ quản lý | 0 | | | 0 |
| | - Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn | 0 | | | 0 |
| | - Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn | 0 | | | 0 |
| | - Chuyên đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên | 0 | | | 0 |

| | | | | | |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|
| | chức | | | | |
| | - Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán | 0 | | | 0 |
| | - Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước | 0 | | | 0 |
| | - Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN | 0 | | | 0 |
| 10 | Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập | 0 | | | 0 |
| 11 | Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập | 0 | | | 0 |
| 12 | Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng | 0 | | | 0 |
| 13 | Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng | 0 | | | 0 |
| 14 | Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức | 0 | | | 0 |
| 15 | Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử | 0 | | | 0 |
| 16 | Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng | 0 | | | 0 |
| 17 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng | 0 | | | 0 |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN | 0 | | | 0 |



THÔNG KÊ SỔ LIỆU VÀ CÔNG TÁC PCTN QUỸ, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM

Kèm theo Văn bản số 2176/TTCTP-C/11 ngày 15/8/2011 của Thành tra (Chính phủ)

THÔNG KÊ SỔ LIỆU CHỦ YẾU

VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG QUỸ I NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 74 /BC-UBND ngày 12 / 3 /2018 của UBND huyện Nga Sơn)

| MS | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | NỘI DUNG | DV TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|---------|
| 01 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | | Văn bản | 01 |
| 02 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | | Văn bản | |
| 03 | TUYÊN TRUYỀN, PHỒ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | | |
| | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | | Lượt người | |
| 04 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | | Lớp | |
| 05 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | | Tài liệu | |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | | |
| | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i> | | | |
| 06 | Số văn quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | | CQ, TC, DV | 05 |
| 07 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | | CQ, TC, DV | 0 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | | |
| 08 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới | | Văn bản | 0 |
| 09 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | | Văn bản | 05 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | | Cuộc | 0 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | | Vụ | 0 |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | | Người | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | | Người | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | | Người | 0 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là | | Triệu đồng | 0 |



| | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|
| | ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền). | | |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | 0 |
| | Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyên đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập | | |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | 0 |
| | Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi đề xảy ra tham nhũng | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xảy ra tham nhũng | Người | 0 |
| | Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chỉ trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 0 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | Qua việc tự kiểm tra nội bộ | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | 0 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Người | 0 |
| | Qua hoạt động thanh tra | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | 0 |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | Người | 0 |
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức | Đơn | 0 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | Đơn | 0 |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | Qua điều tra tội phạm | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |

| XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯỜNG | | | |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Người | 0 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng. | Người | 0 |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | Tài sản bị tham nhũng gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được. | | |
| 49 | + Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 50 | + Đất đai | m ² | |
| | Tài sản tham nhũng gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 51 | + Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 52 | + Đất đai | m ² | |
| | Tài sản tham nhũng gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 53 | + Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 54 | + Đất đai | m ² | |

Ghi chú: - Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu đề thống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn./.

